

Bản án số: 10/2022/KDTM-ST

Ngày: 31/8/2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Bảo Huyền Trân

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 34/2021/TLST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty TNHH MTV L. Trụ sở: Số 121 đường Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Q – chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc H1 và bà Châu Việt V; Cùng địa chỉ: Tầng 2, số 50 đường N, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Ông H1 có mặt).

- ***Bị đơn:*** Công ty CP B. Trụ sở: Tầng M Tòa tháp A, S Tower, số 88 đường L1, phường L1, quận Đ1, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Việt C1 – chức vụ: Tổng Giám đốc. (Vắng mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Công ty TNHH G. Trụ sở: Số nhà 23, LK3, KĐT T, xã O, huyện T1, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: bà Phạm Thị Thanh T2 – chức vụ: Giám đốc. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\*Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Công ty cổ phần B là nhà thầu của dự án “Đường dây 110kV từ TBA 110kV Xuân Hà đến TBA 110kV Chi Lăng. Dự án: Trạm biến áp 110kV Chi Lăng và đầu nối” do Tổng công ty điện lực Miền Trung là chủ đầu tư. Các nắp hố ga nêu trên sẽ được lắp đặt trên công trình tại đường Trần Cao Vân, thành phố Đà Nẵng. Công ty cổ phần B có thuê Công ty TNHH MTV L thi công và cung cấp 24 nắp hố ga theo Bản vẽ thiết kế, trong đó bao gồm 12 bộ nắp hố ga gang KT khung 1240x1240x125 mm, nắp 1060x1060 mm, tải trọng 40T và 12 bộ nắp hố ga gang KT khung 1190x1190x125 mm, nắp 1010x1010 mm, tải trọng 40T. Các bên đã ký kết Hợp đồng mua bán số 27.10/2020/HĐMB/XLĐMBVN-LSB ngày 27/10/2020 với tổng giá trị là 24 nắp là 444.840.000đ (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng). Công ty cổ phần B đã tạm ứng trước số tiền đợt 1 là 133.453.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng). Số tiền đợt 2 là 289.146.000đ (Hai trăm tám mươi chín triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) sẽ được thanh toán sau khi có hồ sơ thanh toán và trước khi xuất xưởng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, phía Công ty cổ phần B yêu cầu không thực hiện giao hàng 01 lần như đã thỏa thuận trong hợp đồng mà buộc phải tiến hành thi công và giao thành 02 đợt vì hiện tại công trường chưa sẵn sàng để lắp đặt 24 nắp. Thực hiện theo yêu cầu của Công ty cổ phần B, Công ty TNHH MTV L chúng tôi đã thực hiện cho thi công đợt 1 trước 04 nắp theo yêu cầu và đã tiến hành giao nhận hàng, nghiệm thu sản phẩm. Sau khi giao nhận và nghiệm thu 04 nắp nêu trên, đại diện của Công ty cổ phần B là ông Phan Công Đạt ghi chú lại một số nội dung để cho tiến hành sản xuất đợt 2 đối với 20 nắp nêu trên. Ngày 06/01/2021, Công ty TNHH MTV L đã gửi bộ hồ sơ thanh toán theo quy định trong Hợp đồng đến cho Công ty cổ phần B đề nghị thanh toán số tiền đợt 2 là 289.146.000đ thì Công ty TNHH MTV L sẽ tiến hành giao hàng theo đúng thỏa thuận theo Điều 2 hợp đồng mua bán đã ký kết. Tuy nhiên, khi gửi hồ sơ thanh toán thì Công ty cổ phần B cắt đứt mọi liên lạc nên Công ty TNHH MTV L không thể liên hệ được qua điện thoại, Zalo, email. Công ty TNHH MTV L cũng đã có Công văn đề yêu cầu thanh toán công nợ nhưng Công ty cổ phần B cũng không có bất kỳ phản hồi nào. Thời gian đến nay cũng đã gần nửa năm kể từ thời điểm nhận được đề nghị thanh toán nhưng phía Công ty cổ phần B vẫn cắt đứt mọi liên lạc và cố tình không nhận hàng. Nay Công ty TNHH MTV L khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần B thanh toán tổng số tiền tạm tính là: 368.460.600đ (Ba trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng) và yêu cầu tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua

bán số 27.10/2020/HĐMB/XLĐMBVN-LSB ngày 27/10/2020, nhận 20 nắp hồ ga từ Công ty TNHH MTV L theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa, Công ty TNHH MTV L yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê buộc Công ty cổ phần B tiếp tục thực hiện hợp đồng, thanh toán số tiền đợt 2 theo Hợp đồng mua bán số 27.10/2020/HĐMB/XLĐMBVN-LSB ngày 27/10/2020 đã ký kết là 289.146.000đ, hợp tác nhận hàng là 20 nắp hồ ga từ Công ty TNHH MTV L theo quy định trong Hợp đồng; buộc Công ty cổ phần B thanh toán cho Công ty TNHH MTV L tiền phạt do chậm thanh toán là 28.914.600đ; buộc Công ty cổ phần B bồi thường cho Công ty TNHH MTV L tiền lưu kho từ ngày 13/01/2021 đến 31/8/2022 là: 178.500.000đ. Tổng số tiền Công ty TNHH MTV L yêu cầu Công ty cổ phần B phải thanh toán là: 496.560.600đ

***\*Về phía bị đơn Công ty cổ phần B:*** Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi ý kiến và cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Công ty cổ phần B.

***\*Theo đơn trình bày ngày 25/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH G trình bày:*** Ngày 07/01/2021, Công ty TNHH G và Công ty TNHH MTV L có ký kết Hợp đồng cho thuê kho bãi với nội dung: Công ty TNHH MTV L thuê kho để sử dụng lưu trữ hàng hóa gồm 20 bộ nắp hồ ga, trong đó có 10 bộ nắp ga gang KT khung: 1240x1240x125mm, nắp 1060x1060mm, tải 40 tấn và 10 bộ nắp ga gang KT khung: 1190x1190x125mm, nắp 1010x1010mm, tải 40 tấn. Giá lưu kho đối với 20 bộ nắp hồ ga nêu trên là 300.000đ/ngày. Thời gian thuê kho được tính từ ngày ký kết Hợp đồng 07/01/2021 đến khi hàng hóa được xuất khỏi kho của Công ty TNHH G. Cho đến thời điểm hiện tại, các nắp hồ ga vẫn được lưu tại kho của Công ty TNHH G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***\*Về thủ tục tố tụng:***

[1] Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, hợp đồng ký kết giữa hai bên đều nhằm mục đích lợi nhuận nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại về Hợp đồng mua bán. Các nắp hồ ga mà bị đơn mua của nguyên đơn

sẽ được giao đến công trường thi công của dự án trên tuyến đường Trần Cao Vân thuộc quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bị đơn Công ty TNHH MTV L lựa chọn Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng để giải quyết tranh chấp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Công ty cổ phần B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH G có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan .

**\*Về nội dung:**

[1] Công ty TNHH MTV L (sau đây gọi là Công ty L) khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần B (sau đây gọi là Công ty B) phải trả cho Công ty L số tiền đợt 2 theo Hợp đồng mua bán mà hai bên đã ký kết là 289.146.000đ, hợp tác nhận hàng là 20 nắp hố ga từ Công ty L theo quy định trong Hợp đồng, Công ty B thanh toán cho Công ty L tiền phạt do chậm thanh toán là 28.914.600đ, Công ty B thanh toán cho Công ty L tiền lưu kho từ ngày 13/01/2021 đến thời điểm làm đơn khởi kiện 30/06/2021 là 168 ngày, tiền lưu kho phát sinh tạm tính là: 50.400.000đ.

Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Hợp đồng mua bán số 27.10/2020/HĐMB/XLĐMBVN-LSB ngày 27/10/2020 giữa Công ty B với Công ty L. Xét thấy, các bên ký kết Hợp đồng trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý, phù hợp với Điều 24, Điều 42 Luật thương mại. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn Công ty B đã tạm ứng trước số tiền đợt 1 là 133.453.000đ và nguyên đơn Công ty L đã thực hiện cho thi công đợt 1 trước 04 nắp theo yêu cầu, hai bên đã tiến hành giao nhận hàng và nghiệm thu sản phẩm vào ngày 12/12/2020 nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn khai rằng sau khi giao nhận và nghiệm thu 04 nắp nêu trên, đại diện của Công ty B có ghi chú lại một số nội dung đề cho Công ty L tiến hành sản xuất đợt 2 đối với 20 nắp hố ga. Công ty L đã gửi bộ hồ sơ thanh toán theo quy định trong Hợp đồng đến cho Công ty B, hồ sơ bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán số 06.01/ĐNTT/XLĐMB ngày 06/01/2021, Hóa đơn giá trị gia tăng, hình ảnh thành phẩm, giấy chứng nhận xuất xưởng, giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng, thư bảo hành sản phẩm 12 tháng. Sau khi Công ty B tiến hành thanh toán số tiền đợt 2 là 289.146.000đ thì Công ty L sẽ tiến hành giao hàng theo đúng thỏa thuận theo Điều 2 hợp đồng mua bán đã ký kết. Công ty L đã

có Công văn số 01/2021/LSB ngày 22/01/2021 để yêu cầu thanh toán công nợ nhưng bị đơn cũng không có bất kỳ phản hồi nào, vẫn cắt đứt mọi liên lạc và cố tình không nhận hàng. Công ty L bị thiệt hại đối với toàn bộ 20 nắp hố ga vì những nắp này được sản xuất, gia công các kích thước cố định theo bản vẽ thiết kế của bị đơn và chỉ phù hợp với kích thước công trường tại dự án đang được thực hiện.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn - Công ty B để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đối chiếu khoản nợ nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không lý do và cũng không nộp cho Tòa án chứng cứ, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền còn nợ nên xem như bị đơn đã từ bỏ quyền của mình. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng mua bán số 27.10/2020/HĐMB/XLĐMBVN-LSB ngày 27/10/2020 nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền đợt 2 là: 289.146.000đ và Công ty L có nghĩa vụ bàn giao 20 nắp hố ga trong đó có 10 bộ nắp ga gang KT khung: 1240x1240x125mm, nắp 1060x1060mm, tải 40 tấn và 10 bộ nắp ga gang KT khung: 1190x1190x125mm, nắp 1010x1010mm, tải 40 tấn cho Công ty B là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu lãi suất chậm trả: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 0.1%/ngày cho số tiền chậm thanh toán là: 28.914.600đ. Xét thấy, mức lãi suất chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu các bên đã thỏa thuận tại Điều 6 Hợp đồng mua bán và thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Theo hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH G (sau đây gọi là Công ty G) xác nhận giữa Công ty G và Công ty L có ký kết Hợp đồng cho thuê kho bãi ngày 07/01/2021 để lưu trữ hàng hóa gồm 20 bộ nắp hố ga. Giá lưu kho đối với 20 bộ nắp hố ga nêu trên là 300.000đ/ngày. Thời gian thuê kho được tính từ ngày ký kết Hợp đồng 07/01/2021 đến khi hàng hóa được xuất khỏi kho của Công ty G.

Đối với số tiền phí lưu kho, Hội đồng xét xử thấy: Khi sản xuất xong như yêu cầu đặt hàng theo Hợp đồng mua bán số 27.10/2020/HĐMB/XLĐMBVN-LSB nhưng Công ty B không nhận hàng thì theo quy định tại Điều 5.1 Hợp đồng mua bán đã ký kết: *“Sau khi nhận được Thông báo giao hàng và hồ sơ thanh toán hợp lệ từ Bên B, Bên A có nghĩa vụ thanh toán đúng số tiền như trong Hợp đồng. Trường hợp sau 07 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo từ Bên B nhưng Bên A không thanh toán thì Bên A phải chịu phí lưu kho 300.000đ/ngày lưu kho”*. Do đó, cần buộc Công ty B phải thanh toán tiền lưu kho cho Công ty L với mức

300.000đ/ngày, tính tiền lưu kho từ ngày 13/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/8/2022 là 595 ngày:  $595 \times 300.000\text{đ} = 178.500.000\text{đ}$ .

Do đó, buộc Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty L tổng số tiền là: 496.560.600đ.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty cổ phần B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, số tiền cụ thể phải chịu:  $20.000.000\text{đ} + (4\% \times 96.560.600\text{đ}) = 23.862.424\text{đ}$ .

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV L số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 401 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 24, Điều 42, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp mua bán hàng hóa của Công ty TNHH MTV L.

**1.** Buộc Công ty cổ phần B có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV L tổng số tiền là 496.560.600đ (Bốn trăm chín mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng), trong đó tiền thanh toán đợt 2 là: 289.146.000đ (Hai trăm tám mươi chín triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng); lãi chậm trả là: 28.914.600đ (Hai mươi tám triệu chín trăm mười bốn nghìn sáu trăm đồng) và số tiền lưu kho là: 178.500.000đ (Một trăm bảy mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Công ty TNHH MTV L có nghĩa vụ bàn giao 20 nắp hố ga trong đó có 10 bộ nắp ga gang KT khung: 1240x1240x125mm, nắp 1060x1060mm, tải 40 tấn và 10 bộ nắp ga gang KT khung: 1190x1190x125mm, nắp 1010x1010mm, tải 40 tấn cho Công ty cổ phần B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án không trả khoản tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi



hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

**2. Về án phí sơ thẩm:**

- Công ty Công ty cổ phần B phải chịu 23.862.424đ (Hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty TNHH MTV L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.211.515đ (Chín triệu hai trăm mười một nghìn năm trăm mười lăm đồng) theo biên lai số: 0002289 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết.**

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Bảo Huyền Trân**